

Số: 59 CV/CBTT-VNECO4

Nghệ An, ngày 27 tháng 02 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**Về Báo cáo thường niên năm 2019**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước;**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**
2. Mã chứng khoán: **VE4**
3. Trụ sở chính: Số 197, Nguyễn Trường Tộ, P Đông Vĩnh, TP Vinh, Nghệ An
4. Điện thoại: 02383. 531065 Fax: 02383.853433
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Thế Hùng**
6. Loại thông tin công bố: **Định kỳ**
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2019

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2019

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn thư.

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật/Người CBTT



**Nguyễn Thế Hùng**

**TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**  
**Năm 2019**

**Vinh, tháng 02 năm 2020**

## Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Năm 2019

## I-Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2703000185 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900574674 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp thay đổi lần 7 ngày 11 tháng 01 năm 2016
- Vốn điều lệ: 10.280.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.280.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 197-Nguyễn Trường Tộ - P. Đông Vĩnh - T.P Vinh-Nghệ An
- Số điện thoại: (0238) 353 1065
- Số fax: (0238) 385 3433
- Website: vneco4.com.vn
- Mã cổ phiếu: VE4
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 tiền thân là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam) được thành lập từ năm 1989.

- Năm 2003, thực hiện chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp Cơ điện được chuyển thành Công ty CP xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp là công ty thành viên thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam).

- Năm 2006, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.4 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4.

Hiện nay Công ty có biên chế đầy đủ các phòng, ban nghiệp vụ quản lý, các đội xây lắp điện, xưởng sản xuất công nghiệp và đội xe máy thi công. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có nhiều kinh nghiệm trong nghề xây lắp các công trình tải điện trên không có cấp điện áp đến 500kV và xây lắp các trạm biến áp có cấp điện áp đến 220kV. Công ty đã và đang tham gia thi công xây lắp các công trình Gói 44TC.SCL2018 : xử lý khoảng cách pha đất khoảng néo 87-93 & xử lý khoảng cách pha đất khoảng néo 116-121 đường dây 220kV Vinh – Hà Tĩnh 1, gói thầu 45TC.SCL2019: xử lý khoảng cách pha đất khoảng néo 47-59 đường dây 220kV Vinh – Hà Tĩnh 2, gói thầu 49TC.SCL2019: xử lý khoảng cách pha đất các đường dây khu vực Truyền tải điện Hà Tĩnh, gói thầu 04TC/SCL2019: Cung cấp VTTB và thi công các công trình Sửa chữa, xử lý bu lông, thanh giằng ri, cờ tiếp địa không đảm bảo quy định

cung đoạn từ vị trí 01-130 Đường dây 500kV Hà Tĩnh – Vũng Áng và Sửa chữa, xử lý bu lông, thanh giằng rì, không đảm bảo tiêu chuẩn cung đoạn từ vị trí 131-153 Đường dây 500kV Vũng Áng – Đà Nẵng do TTĐ Hà Tĩnh quản lý Hà Tĩnh, ĐZ110kv Hà Đông - Sơn Tây đóng điện giai đoạn 6, Treo dây mạch 2 ĐZ110kv Quỳnh Lưu - Diễn Châu – Cửa Lò, ĐZ500kV đấu nối NMD Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc gia và Lô 9.9: Cung đoạn từ vị trí 61-02 đến vị trí 69-16 công trình Đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi và nhiều công trình điện trọng điểm trong cả nước.

- Năm 2008, từ vốn điều lệ ban đầu là 5,15 tỷ đồng, Công ty đã nâng lên trên 8,2 tỷ đồng và hiện nay vốn điều lệ là 10,28 tỷ đồng. Sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng trưởng qua từng năm; sản lượng, doanh thu hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Mặc dầu có sự cạnh tranh hết sức quyết liệt trên thị trường xây lắp điện, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 hoàn toàn có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công để tham gia các công trình, dự án điện có cấp điện áp đến 500 kV và thực tế đã chứng minh được thương hiệu của mình trên thị trường xây dựng điện và đã được các Ban quản lý dự án các công trình điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam đánh giá cao.

- Năm 2012, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Lắp đặt hệ thống điện;
- + Bán buôn vật liệu; Thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- + Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Gia công cơ khí;

- Địa bàn kinh doanh: các địa phương trên cả nước, nhưng các năm qua hoạt động chủ yếu ở các tỉnh:

- + Tỉnh Quảng Ninh;
- + Tỉnh Hà Giang;
- + Cao Bằng
- + Tỉnh Sơn La;
- + Tỉnh Lai Châu;
- + TP.Hà Nội
- + Tỉnh Thái Bình;
- + Tỉnh Ninh Bình;
- + Nam Định;
- + Tỉnh Thanh Hóa;
- + Tỉnh Nghệ An;
- + Tỉnh Hà Tĩnh;
- + Đà Nẵng
- + Phú Yên;
- + Tỉnh Khánh Hòa;
- + Tỉnh Bình Thuận
- + Gia Lai

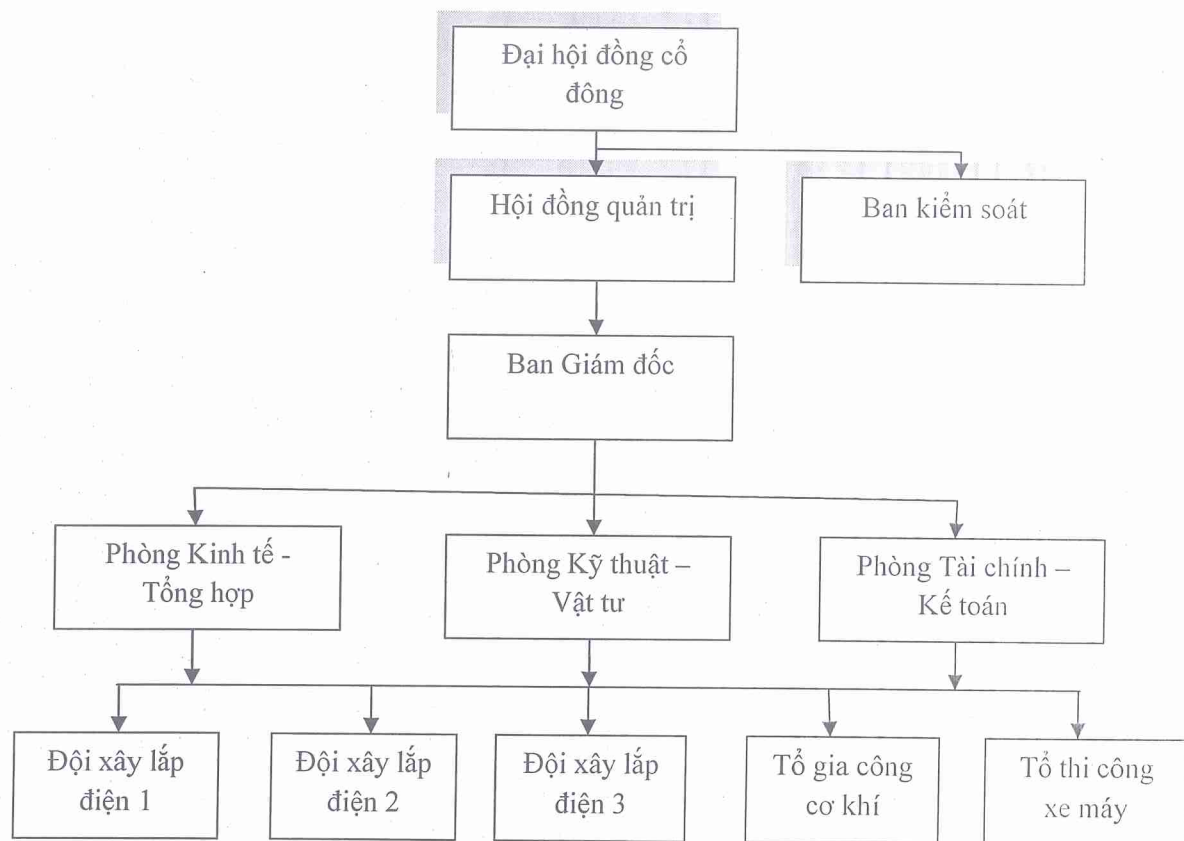
+ Đắc Lăk

+ ...v....v....

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý của Công ty

#### Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



#### 3.1-Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

#### 3.2-Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bao gồm 5 thành viên:

Ông Trần Văn Huy      Chủ tịch

Ông Nguyễn Thế Hùng   Ủy viên

Ông Phan Huy Thành    Ủy viên

Ông Nguyễn Văn Bốn    Ủy viên

Ông Nguyễn Thế Tam    Ủy viên

### 3.3-Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Thế Hùng - Giám đốc  
Ông Nguyễn Ngọc Ân - Phó Giám đốc  
Ông Phạm Văn Tạo - Phó Giám đốc

### 3.4-Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

Bà Trần Thị Thu Lan - Trưởng Ban kiểm soát từ 18/05/2017  
Ông Nguyễn Năng Đồng - Ủy viên  
Bà Lê Thị Dung - Ủy viên

### 3.5-Các Phòng chức năng

\* Phòng Kinh tế - Tổng hợp

Phòng Kinh tế - Tổng hợp là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực:

+ Công tác kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác thị trường đầu thầu; thanh, quyết toán công trình; thống kê báo cáo theo quy định hiện hành;

+ Về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách, BHXH, hành chính quản trị văn phòng, thanh tra bảo vệ, an ninh quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật và có các nhiệm vụ chủ yếu, chủ trì xây dựng phương án tổ chức bộ máy sản xuất - kinh doanh, bố trí nhân sự; quản lý hồ sơ, lý lịch, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chế độ hưu trí; kế hoạch chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; xây dựng quy chế phân phối quỹ lương và trả lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng, quy chế phân cấp, nội quy lao động; quản lý lao động, tiền lương của người lao động; công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTT; công tác quản trị văn phòng; công tác thanh tra bảo vệ. ... và các công tác khác có liên quan.

\* Phòng Kỹ thuật - Vật tư:

Phòng Kỹ thuật - Vật tư là phòng chuyên môn tham mưu cho giám đốc về các lĩnh vực hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh chung của Công ty... và các công tác khác có liên quan.

\* Phòng Tài chính - Kế toán:

Phòng Tài chính Kế toán là phòng chuyên môn đầu mối giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, theo dõi và kiểm tra về thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án, các công trình mà Công ty thi

công, đề xuất phương án huy động vốn, tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ ... và các công tác khác có liên quan

\* Các đội xây lắp điện, xây dựng:

Là thành viên của Công ty chuyên xây dựng, lắp đặt các công trình điện do Công ty giao có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo tiến độ công trình, chất lượng và hiệu quả.

\* Xưởng cơ khí:

Là thành viên của Công ty chuyên gia công, chế tạo các kết cấu thép, chế tạo, sửa chữa dụng cụ thi công, một số phụ kiện điện phục vụ thi công các công trình điện có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

\* Tổ quản lý xe máy:

Là thành viên của Công ty chuyên chở dụng cụ thi công, phụ kiện, vật liệu theo yêu cầu kế hoạch và thực tế. Nhiệm vụ được Công ty giao nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

#### **4. Định hướng phát triển;**

4.1- Mục tiêu chung của Công ty:

+ Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2019, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Công ty phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.

+ Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống về xây lắp đường dây và trạm. Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực này.

4.2- Phương hướng thực hiện:

+ Tập trung chỉ đạo điều hành SXKD, đặc biệt chỉ đạo thi công hoàn thành tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình năm trước thi công dở dang chuyển sang năm sau đồng thời triển khai thi công các công trình mới.

+ Đào tạo tuyển dụng lực lượng kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân có đủ trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng với các cá nhân có trình độ, nhiệt huyết. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cống hiến một cách tốt nhất.

+ Đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên ngành nhằm đảm bảo chủ động trong sản xuất, thi công, phục vụ kinh doanh có hiệu quả, năng suất, chất lượng.

+ Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để huy động nguồn vốn đáp ứng đủ cho sản xuất kinh doanh. Tích cực thu hồi vốn khi có khối lượng hoàn thành

+ Cải tạo văn phòng làm việc, sắp xếp bố trí cho thuê mặt bằng nhằm tăng thêm thu nhập

#### **5. Các rủi ro:**

\* Rủi ro về kinh tế :

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất....sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

*\* Rủi ro từ biến động lãi suất*

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều thay đổi của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính với nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng. Điều này sẽ dẫn tới việc tăng lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp nói chung và tăng chi phí tài chính đầu vào cho Công ty nói riêng.

*\* Rủi ro từ biến động tỷ giá*

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Công ty.

*\* Rủi ro thanh toán*

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

*\* Rủi ro về nguồn nhân lực*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

*\* Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu*

Vật liệu xây dựng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí xây dựng các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

*\* Rủi ro bất khả kháng :*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

**II- Tình hình hoạt động trong năm:**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**



1.1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019: (Số liệu đã được kiểm toán)

- Doanh thu thuần : 20.998.748.893 đồng,

- Lợi nhuận sau thuế: 524.917.059 đồng, (Chi tiết xem Báo cáo kết quả SXKD - phụ lục Mẫu B 02-DN kèm theo)

1.2-Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (Số liệu đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh thực hiện/KH năm (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu và thu nhập	Tr. đ	48.500	22.401	46,19
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	1.850	525	28,38

## 2. Tổ chức và nhân sự của Công ty

### Danh sách Ban Giám đốc:

#### 2.1. Giám đốc: Ông Nguyễn Thế Hùng

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 27 tháng 9 năm 1967

Nơi sinh : xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Số CMND : 181562590 cấp ngày 08/02/2006, tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ thường trú : Số 36, Trần Quang Diệu, Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ an.

Điện thoại liên lạc : 0912435090/091 7681189 Email: thehungvneco2@yahoo.com.vn

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Tài chính – Kế toán – Hà Nội;

Quá trình công tác:

Từ 01/1990 – 11/1998; Cán bộ kế toán – Công ty Xây lắp điện Nghệ An;

Từ 12/1998 – 06/2003; phó phòng kế toán Công ty Xây lắp điện Nghệ An;

Từ 07/2003 - 12/2004; phó phòng phụ trách phòng Kế toán Công ty Xây lắp điện Nghệ An;

Từ 01/2005 - 12/2008; Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Bloock Vinh;

Từ 01/2009 - 05/9//2010 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Bloock Vinh;

Từ 10/2010 - 5/2013 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Block Vinh;

Từ 5/2013 - 11/8/2015 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Block Vinh;

Từ 12/8/2015 - 05/01/2016; Thành viên HĐQT phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4

Từ 06/01/2016 đến nay Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4,

Tổng số cổ phần nắm giữ: 263.711 cổ phần (Chiếm 25.65% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 9.500 cổ phần (Chiếm 0.92% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam uỷ quyền: 254.211 cổ phần (Chiếm 24.73% vốn điều lệ thực góp)

## **2.2. Phó giám đốc Công ty : Ông Nguyễn Ngọc Ân**

Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 30/12/1966  
Nơi sinh : Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh  
Số CMND : 182 008780 cấp ngày 04/12/2006 tại tỉnh Nghệ An  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh  
Địa chỉ thường trú : 226 - Nguyễn Trường Tộ - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An  
Điện thoại liên lạc : 0912132 098  
Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Quản trị kinh doanh;

Quá trình công tác :

Từ tháng 08/1986-06/1990: Công nhân kỹ thuật tại Cty xây lắp và đường dây trạm V

Tháng 07/1990- 02/2006: NV phòng KH - TV ban kiểm soát - Công ty CP XD điện VNECO4.

Từ tháng 03/2006-01/2007: NV phòng KH -Trưởng ban kiểm soát - Công ty CP XD điện VNECO4.

Từ 03/2010-04/2015: Trưởng phòng KH - Thành viên HĐQT - Công ty CP XD điện VNECO4.

Từ tháng 05/2015-08/2016: Trưởng phòng KH KTVT - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Từ tháng 08/2016- 04/2017: Trưởng phòng KTKH - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Từ 04/2017 đến nay: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng KTTH - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng KTTH

Tổng số cổ phần nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0.83% vốn điều lệ)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0.83% vốn điều lệ)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

## **2.3 Phó giám đốc Công ty: Ông Phạm Văn Tạo**

Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 04/12/1966  
Nơi sinh : Nghi Đức - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An  
Số CMND : 181 863600 cấp ngày 25/6/2014 tại tỉnh Nghệ An  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Nghi Đức - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An  
Địa chỉ thường trú : Nhà số 05, Phùng Chí Kiên - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An  
Điện thoại liên lạc : 091 250 2678  
Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác :

Từ tháng 1985-1989 : Nhập ngũ vào quân đội.

Tháng 07/1987 đến tháng 07/1991: Là Bộ đội thuộc binh chủng ra đa, quân chủng phòng không

Từ tháng 01/1989 đến tháng 1/2016: Là công nhân sau đó phụ trách phòng kỹ thuật - Vật tư Công ty CP XD điện VNECO2.

Từ tháng 3/2016- 4/2016: Phó giám đốc công ty CP XD điện VNECO11.

Từ tháng 5/2016-6/2016: Giám đốc công ty CP XD điện VNECO11.

Từ tháng 07/2016 đến 03/2017: Phó phòng kỹ thuật - Vật tư Công ty CP Xây dựng điện VNECO4. Từ tháng 04/2017 đến nay: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật vật tư Công ty

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

#### **Các thành viên quản lý khác:**

##### **2.4.-Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thế Tam**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 25-11-1961

Nơi sinh : Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An

Số CMND : 186581332 cấp ngày 17/03/2005 tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 6 - Phường Trường Thi - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An

Điện thoại liên lạc : 0383.853934/0912480398

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Tài chính – Kế toán – Hà Nội;

Quá trình công tác :

Từ tháng 02/1984 đến tháng 02/1987: Nhập ngũ vào quân đội.

Tháng 07/1987 đến tháng 07/1991: Sinh viên Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.

Từ tháng 12/1991 đến tháng 3/2010: Công tác tại Công ty xây dựng thủy lợi 24 qua các chức vụ: cán bộ, Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng.

Từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2010: Thành viên ban kiểm soát - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 24.

Từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010: Phó trưởng phòng, Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Từ tháng 07/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

#### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

a. Các khoản đầu tư lớn: Năm 2019 không có khoản đầu tư lớn nào.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

#### **4. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng giảm % năm sau so với năm trước
1. Doanh thu thuần	20.998.748.893	30.227.382.908	-30,53
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.074.725	727.348.288	-96,42
3. Lợi nhuận khác	659.255.148	(76.348.371)	963,48
4. Lợi nhuận trước thuế : (4=2+3)	685.329.873	650.999.917	5,27
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành	160.412.814	115.758.153	38,58
6. Lợi nhuận sau thuế : (6=4-5)	524.917.059	535.241.764	-1,93
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	511	431	18,56

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,71	2,0	
<u>tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u> nợ ngắn hạn	1,63	1,95	
<b>2-Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</b>			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,47	0,41	
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,87	0,72	
<b>3-Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho	23,45	33,85	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,08	0,80	
<b>4-Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,02	0,03	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,04	0,04	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,02	0,02	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,02		

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành:

31/12/2019 - tổng số cổ phần : 1.028.000

Trong đó:

+ Cổ phần phổ thông:	1.028.000
+ Cổ phần chuyển nhượng tự do:	1.028.000
+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0
- Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
- Cơ cấu cổ đông:	

Bảng: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng (28/05/2019) để trả cổ tức 2019 theo công văn số CV/2019-VE4/VSD-ĐK

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ năm giữ
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>166</b>	<b>1.000.100</b>	<b>10.001.000.000</b>	<b>97,286</b>
<b>a.</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>4</b>	<b>589.421</b>	<b>5.894.210.000</b>	<b>57,337</b>
*	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	1	9	90.000	0,001
*	Công ty CP chứng khoán MB	1	10	100.000	0,001
*	Công ty CP Quản lý vốn Việt Nhân	1	26.800	268.000.000	2,607
*	Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam	1	562.602	5.626.020.000	54,728
<b>b.</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>162</b>	<b>410.679</b>	<b>4.106.790.000</b>	<b>39,949</b>
*	Trong Công ty	20	44.909	449.090.000	4,369
*	Ngoài Công ty	142	365.770	279.000.000	2,714
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>8</b>	<b>27.900</b>	<b>357.000.000</b>	<b>3,473</b>
<b>a.</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>3</b>	<b>26.400</b>	<b>264.000.000</b>	<b>2,568</b>
*	America LLC	1	22.100	221.000.000	2,151
*	FINANSIA SYRUS SECURITIES PUBLIC COMPANY LIMITED	1	2.400	24.000.000	0,233
*	KT ZMICO SECURITIES COMPANY LIMITED	1	1.900	19.000.000	0,185
<b>b.</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>5</b>	<b>1.500</b>	<b>15.000.000</b>	<b>0,146</b>
*	ALEXANDRE ROBERT IDARECI	1	800	8.000.000	0,078
*	KATO TAKANORI	1	100	1.000.000	0,010

* LINDELL LAGERMAN PATRIK STEFAN	400	4.000.000	0,039	
* Yamazaki Atsushi	1	200	2.000.000	0,019
<b>Tổng cộng</b>	<b>173</b>	<b>1.028.000</b>	<b>10.280.000.000</b>	<b>100</b>

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

### III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD nhưng vẫn đảm bảo mức thu nhập của CBCNV và người lao động, đảm bảo được việc làm thường xuyên cho người lao động. Năm 2019 lợi nhuận sau thuế chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, do yếu tố khách quan: một số công trình có vướng mắc về đền bù giải phóng mặt bằng, vật tư A cấp chưa kịp thời và không đồng bộ, đơn giá xây dựng thấp, đấu thầu trúng thầu các dự án nhỏ nằm rải rác trên cả nước làm chi phí chuyển quân lớn, trong quá trình thi công bị gián đoạn do phải chờ đợi cắt điện, ảnh hưởng của thời tiết.v...v....

#### 2. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm		Tỷ Trọng %		Chênh lệch năm	
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Giá trị	%
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>22.273</b>	<b>21.489</b>	<b>79,73</b>	<b>82,04</b>	<b>-790</b>	<b>-3,55</b>
I. Tiền	11.506	9.243	41,19	35,3	-2.263	-19,67
II. Các khoản đầu tư TCNH	491	453	1,76	1,73	-38	-7,74
III. Các khoản phải thu NH	9.155	11.188	32,77	42,73	2.033	22,21
IV. Hàng tồn kho	1.087	561	3,89	2,14	-526	-48,39
- Trong đó : Chi phí SXKD dở dang	940	423	46,58	1,62	-517	-55
V. Tài sản ngắn hạn khác	34	38	0,12	0,15	4	-11,76
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>5.662</b>	<b>4.702</b>	<b>20</b>	<b>18,0</b>	<b>-960</b>	<b>-16,96</b>
I. Tài sản cố định	2.766	2.040	9,90	7,79	-726	-26,25
II. Bất động sản đầu tư	20				-20	
III. Các khoản đầu tư TCDH	2.381	2.381	8,52	9,09		

V. Tài sản dài hạn khác	495	281	1,77	1,07	-214	-43,23
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>27.935</b>	<b>26.185</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>-1.750</b>	<b>-6,26</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Giá trị</b>	<b>%</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>12.991</b>	<b>11.219</b>	<b>46,5</b>	<b>42,85</b>	<b>-1772</b>	<b>-13,64</b>
I. Nợ ngắn hạn	12.991	10.736	46,5	41,0	-2.255	-17,36
II. Nợ dài hạn		483		1,84	483	
<b>B. NGUỒN VỐN CSH</b>	<b>14.944</b>	<b>14.966</b>	<b>53,5</b>	<b>57,15</b>	<b>22</b>	<b>0,15</b>
I. Vốn chủ sở hữu	14.944	14.966	53,5	57,15	22	0,15
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>27.935</b>	<b>26.185</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>-1.750</b>	<b>-6,26</b>

Thông qua bảng tính xác định tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trên ta có thể xem xét phân tích từng chỉ tiêu để xác định sự biến động của tài sản trên các khoản mục.

Tổng tài sản của công ty trong năm 2019 giảm xuống 1.750 triệu đồng so với năm 2018, tức đã giảm xuống 6,26%. Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi này cần xem xét sự biến động của các khoản mục chính trong tài sản như sau:

Vào thời điểm năm 2019 tài sản ngắn hạn có giá trị là: 21.489 triệu đồng năm 2018 là 22.273 triệu đồng tức giảm xuống tương đương 3,55%, tài sản ngắn hạn năm 2019 của công ty giảm so với năm 2018 là 790 triệu đồng, do ảnh hưởng của các nguyên nhân sau:

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn năm 2019 giảm 38 triệu đồng so với năm 2018 tương đương giảm 7,74 %. Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2019 so với năm 2018 tăng 2.033 triệu đồng tương đương tỷ lệ giảm 22,21%, chi tiết ở đây là các khoản phải thu khách hàng, qua đó cho thấy công tác thanh toán công nợ chưa tốt. Công ty cần phải thực hiện tốt hơn nữa công tác thu hồi công nợ ở một số chủ đầu tư và cá nhân để giảm ứ đọng vốn làm tăng vòng quay vốn phục vụ SXKD có hiệu quả hơn.

Hàng tồn kho bao gồm: công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong đó chi phí SXKD dở dang chiếm tỷ trọng lớn nhất và cho thấy: Năm 2019 chi phí SXKD dở dang giảm so với năm 2018 là 517 triệu đồng tương đương tỷ lệ giảm 55%. Qua đó cho thấy năm 2019 Công ty tích cực nghiệm thu khối lượng thực hiện.

Qua số liệu và phân tích tích trên cho thấy năm 2019 Công ty cần tích cực thu hồi công nợ hơn nữa, thực hiện nghiệm thu khối lượng kịp thời và thanh toán vốn, từ đó tạo vòng quay vốn nhanh đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và chủ động công tác tài chính;

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý.

+ Coi trọng chính sách khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình bằng các hình thức tiền thưởng, ăn ca ....

+ Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho bộ phận quản lý, không ngừng nâng cao đào tạo tay nghề cho người lao động, tổ chức thi nâng bậc cho người lao động và nâng bậc lương cho CBCNV kịp thời.

+ Tuyển dụng một số cán bộ có đã được đào tạo qua các trường với các ngành phù hợp với nhu cầu của Công ty, nhất là các cán bộ có chứng chỉ nghề. Muốn vậy Công ty phải có chính sách thu hút.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giải quyết đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, có lợi nhuận. Trước mắt hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 với các chỉ tiêu sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH năm 2019	KH năm 2020	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4/5	7
1	Doanh thu và thu nhập	Tr. đ	22.401	51.366	229,3	
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	525	1.650	314,29	

#### **IV-Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2019 ngành xây dựng nói chung, xây dựng điện nói riêng còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty CP xây dựng điện VNECO4 vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết có đầy đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Ban Giám đốc đã có rất nhiều cố gắng trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt vai trò chức năng của mình để lãnh đạo công ty hoàn thành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Tích cực tìm kiếm việc làm để đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, bảo đảm doanh thu và lợi nhuận.

#### **V- Quản trị công ty:**

##### **1. Hội đồng quản trị**

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết) và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).



T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Văn Huy <i>Trong đó: +CP được ủy quyền + CP cá nhân</i>	Chủ tịch HĐQT	308.391 308.391 0	30,00 30,00 0	Không quản lý điều hành trực tiếp
2	Nguyễn Thế Hùng <i>Trong đó: +CP được ủy quyền + CP cá nhân</i>	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty	263.711 254.211 9.500	25,65 24,73 0,92	
3	Phan Huy Thành	Thành viên HĐQT	24.486	2,38	Không quản lý điều hành trực tiếp
4	Nguyễn Văn Bốn	Thành viên, HĐQT	8.046	0,78	Không quản lý điều hành trực tiếp
5	Nguyễn Thế Tam	Thành viên, HĐQT	0	0	

**a. Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Trong năm 2019 HĐQT có 08 cuộc họp. Cụ thể như sau:

- + Cuộc họp thứ nhất tiến hành vào ngày 01 tháng 03 năm 2019
- + Cuộc họp thứ hai tiến hành vào ngày 27 tháng 03 năm 2019
- + Cuộc họp thứ ba tiến hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2019
- + Cuộc họp thứ tư tiến hành vào ngày 26 tháng 05 năm 2019
- + Cuộc họp thứ năm tiến hành vào ngày 26 tháng 07 năm 2019
- + Cuộc họp thứ sáu tiến hành vào ngày 13 tháng 08 năm 2019
- + Cuộc họp thứ bảy tiến hành vào ngày 04 tháng 10 năm 2019
- + Cuộc họp thứ tám tiến hành vào ngày 11 tháng 12 năm 2019

**b) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Hội đồng quản trị có 03 thành viên độc lập không điều hành trực tiếp là Ông Trần Văn Huy - Chủ tịch HĐQT, Ông Phan Huy Thành và Ông Nguyễn Văn Bốn. Năm qua, Ông Trần Văn Huy đã thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ	Ghi chú

				(%)	
1	Trần Thị Thu Lan	Trưởng Ban	2.218	0,22	
2	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên	6.820	0,66	
3	Lê Thị Dung	Thành viên	0	0,00	

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT, Ban Giám đốc.

- Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm của Công ty; Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, Báo cáo tài chính.

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm tra trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của điều lệ Công ty và Pháp luật.

- Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019, đồng thời kiến nghị với HĐQT Công ty một số giải pháp trong một số lĩnh vực quan trọng.

\*Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

\* Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm không phát sinh

\* Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm qua HĐQT đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty trên cơ sở Luật pháp Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

**3. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày 28 tháng 05 năm 2019) để trả (thanh toán) cổ tức năm 2019 vào ngày 27/06/2019.**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu (cp)	Tỷ lệ % số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên HĐQT-kiểm Giám đốc Cty	9.500	0,92	
3	Phan Huy Thành	Ủy viên HĐQT	24.486	2,38	
4	Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên HĐQT-P.Giám đốc	8.046	0,78	
5	Nguyễn Thế Tam	Ủy viên HĐQT	0	0	
6	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên BKS	6.820	0,66	
7	Lê Thị Dung	Thành viên BKS	0	0	
8	Trần Thị Thu Lan	Trưởng BKS	2.218	0,22	

## **VI- Báo cáo tài chính:**

Số: 08/BCKT/2020-RSMMT

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

#### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/02/2020, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### ***Ý kiến của kiểm toán viên***

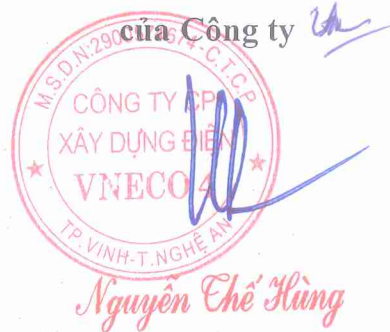
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh

ngiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

*Nghệ An, ngày 21 tháng 02 năm 2020*  
**Xác nhận của đại diện theo pháp luật**

**Nơi nhận:**

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT HN
- Lưu HĐQT VNECO4



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.483.325.307</b>	<b>22.272.559.959</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>9.242.806.699</b>	<b>11.505.919.085</b>
1. Tiền	111		970.948.080	4.758.263.946
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.271.858.619	6.747.655.139
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.2</b>	<b>452.856.240</b>	<b>490.772.240</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.950.812.606	1.950.812.606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.497.956.366)	(1.460.040.366)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.188.625.283</b>	<b>9.155.102.513</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	8.997.202.974	7.045.444.564
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	-	142.042.791
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.326.373.265	2.002.566.114
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(134.950.956)	(134.950.956)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>561.520.912</b>	<b>1.086.658.378</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	561.520.912	1.086.658.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.516.173</b>	<b>34.107.743</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	37.516.173	34.107.743
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.701.880.470</b>	<b>5.662.069.942</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.039.836.412</b>	<b>2.765.986.203</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	2.039.836.412	2.765.986.203
Nguyên giá	222		9.865.844.132	10.624.952.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.826.007.720)	(7.858.965.820)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>20.341.710</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	-	20.341.710
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.380.952.381</b>	<b>2.380.952.381</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	2.380.952.381	2.380.952.381
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>281.091.677</b>	<b>494.789.648</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	281.091.677	494.789.648
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>26.185.205.777</b>	<b>27.934.629.901</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.219.549.219</b>	<b>12.990.763.144</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.736.233.905</b>	<b>12.990.763.144</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	2.256.535.970	2.234.741.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	970.152.056	3.313.050.269
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	826.700.959	418.776.451
4. Phải trả người lao động	314		3.366.249.833	3.014.452.609
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	337.641.389	179.074.301
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	1.162.895.373	1.127.473.922
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	390.203.141	1.282.839.467
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.425.855.184	1.420.354.708
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>483.315.314</b>	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.16	483.315.314	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.965.656.558</b>	<b>14.943.866.757</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.17</b>	<b>14.965.656.558</b>	<b>14.943.866.757</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.280.000.000	10.280.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.900.797.106	3.884.739.853
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		259.942.393	243.885.140
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		524.917.059	535.241.764
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		524.917.059	535.241.764
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>26.185.205.777</b>	<b>27.934.629.901</b>



Nguyễn Thế Hùng  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 18 tháng 02 năm 2020

Nguyễn Thế Tam  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	20.998.748.893	30.227.382.908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.998.748.893	30.227.382.908
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	18.987.595.453	25.486.399.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.011.153.440	4.740.983.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	721.370.596	410.753.039
7. Chi phí tài chính	22	5.4	39.380.857	479.382.474
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			18.840.897
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.667.068.454	3.945.005.313
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.074.725	727.348.288
11 Thu nhập khác	31	5.6	680.693.063	127.731.912
12 Chi phí khác	32	5.7	21.437.915	204.080.283
13 Lợi nhuận khác	40		659.255.148	(76.348.371)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		685.329.873	650.999.917
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	160.412.814	115.758.153
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		524.917.059	535.241.764
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	511	431
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	511	431



**Nguyễn Thế Hùng**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 18 tháng 02 năm 2020

**Nguyễn Thế Tam**  
Kế toán trưởng

**Phùng Thị Thu**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.094.515.599	35.693.095.459
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(12.173.539.920)	(19.654.667.079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.413.083.172)	(9.003.245.508)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(18.840.897)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(154.214.401)	(30.683.968)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.745.407.880	3.548.293.688
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.941.215.022)	(3.210.781.866)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.842.129.036)</b>	<b>7.323.169.829</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55.141.563)	(243.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		256.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		688.994.577	668.376.863
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>990.216.650</b>	<b>325.376.863</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.965.160.674
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.965.160.674)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(411.200.000)	(1.028.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(411.200.000)</b>	<b>(1.028.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(2.263.112.386)</b>	<b>6.620.546.692</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.505.919.085	4.885.372.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>		<b>9.242.806.699</b>	<b>11.505.919.085</b>



Nguyễn Thế Hùng  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 18 tháng 02 năm 2020

Nguyễn Thế Tam  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu  
Người lập